

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0256 389 1224 Fax: 0256 389 1783 Website: www.quinhonport.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Bắt đầu lúc 07h00 ngày 10 tháng 04 năm 2019)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
7h00-8h00	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội	Ban tổ chức
8h00 – 8h20	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Chào cờ, tuyên bố lý do; - Giới thiệu và Thông qua Đoàn chủ tịch; - Thông qua quy chế làm việc; - Giới thiệu và thông qua thành phần Ban kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội; - Thông qua chương trình Đại hội.	Ban tổ chức
8h20 – 9h10	Các báo cáo tại Đại hội: - Báo cáo của Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Ban Kiểm soát; - Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019	Đoàn CT Đại diện BKS
9h10 – 10h30	Nội dung tờ trình: - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 - Tờ trình phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019; - Tờ trình Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE. - Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ từ 404,09 tỷ đồng lên 538,79 tỷ đồng. - Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Đại hội thảo luận các nội dung, biểu quyết thông qua nội dung đề trình của HĐQT	Đoàn chủ tịch
10h30–11h00	Đại hội giải lao – kiểm phiếu - Ban kiểm phiếu làm việc	Ban kiểm phiếu
11h00–11h10	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
10h10-11h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội;	Ban thư ký/Đoàn chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3892 363 Fax: 0256 389 1783

Website: www.quinhonport.com.vn



QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN NĂM 2019

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2019 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Các cổ đông của Công ty theodanh sách chốt ngày 19/03/2019 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận uỷ quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 4 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - c. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
 - Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được

cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:
 - Biểu quyết bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội; Thông qua Đoàn chủ tịch Đại hội; Thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội; Thông qua chương trình Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - Biểu quyết bằng hình thức điền vào **Phiếu biểu quyết**: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019; Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018; Tờ trình phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019; Tờ trình Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE; Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình khác tại Đại hội (nếu có).

2. Cách thức biểu quyết:

- Nguyên tắc chung
 - Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.
- Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết
 - Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu

quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giờ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. ***Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.***

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/03/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 40.409.950 cổ phần tương đương với 40.409.950 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014; khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty).
5. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
 - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có) sẽ được thực hiện theo Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị của công ty.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

**T/M.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: *26* /BC-HĐQT

Quy Nhơn, ngày *29* tháng *3* năm 2019

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xin trân trọng báo cáo với Đại hội tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 và định hướng hoạt động trong năm 2019, với nội dung cụ thể như sau:

I. Tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Tổ chức của Hội đồng quản trị:

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thành công. Theo đó, các chủ trương, quyết sách quan trọng đều bám sát vào Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các cá nhân là thành viên HĐQT được phân công từng lĩnh vực chuyên sâu, luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, trung thực để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Hiện nay Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn có 05 thành viên gồm các ông, bà sau:

1. Ông Lê Hồng Thái- Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Nguyễn Văn Phi- Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách
3. Ông Vũ Hoàng Hải – Thành viên Hội đồng quản trị.
4. Ông Nguyễn Kim Cương – Thành viên Hội đồng quản trị.
5. Ông Nguyễn Thế Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 Hội đồng quản trị tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời Trưởng ban kiểm soát tham dự. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Cụ thể các thành viên Hội đồng quản trị đã tham dự họp/cho ý kiến biểu quyết như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Hồng Thái	Chủ tịch	22/10/2015	34/34	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Nghiệp	Thành viên	26/04/2018	10/10	100%	Hết nhiệm kỳ
3	Bà Trần Thị Quỳnh Yên	Thành viên	26/04/2018	10/10	100%	Hết nhiệm kỳ
4	Ông Trình Văn Nhất	Thành viên	26/04/2018	10/10	100%	Hết nhiệm kỳ
5	Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên	26/04/2018	24/24	100%	Bầu TV HĐQT
6	Ông Vũ Hoàng Hải	Thành viên	26/04/2018	24/24	100%	Bầu TV HĐQT
7	Nguyễn Văn Phi	Thành viên	26/04/2018	24/24	100%	Bầu TV HĐQT
8	Nguyễn Thế Tâm	Thành viên	26/04/2018	24/24	100%	Bầu TV HĐQT

2.2. Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị :

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Về cơ bản Hội đồng quản trị đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế khu vực, để Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao.

Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, định kỳ 06 tháng, 01 năm Hội đồng quản trị đã có báo cáo quản trị gửi UBCK, các sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, triển khai đúng theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

a. Đối với Ban Tổng giám đốc:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công tác và giao kế hoạch công tác tháng đến các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Đã tổ chức thực hiện ký kết hơn 400 hợp đồng kinh tế về xếp dỡ hàng hóa, tàu lai, vận chuyển, lưu kho, bãi, container. Thực hiện kê khai 02 đợt giá dịch vụ cảng biển, thực hiện giá dăm gỗ mới năm 2018. Tính toán, đề xuất áp dụng một số dịch vụ cảng biển như: đơn giá lai dắt đối với các tàu trên 50.000 DWT (thử nghiệm), đơn giá xếp dỡ một số mặt hàng như hàng viên gỗ nén nẹp container, hàng con bò, hàng gạch kiện,... Triển khai một số mặt hàng, tác nghiệp mới như: Hàng gạch kiện, viên gỗ nén bằng container... Triển khai tiếp nhận thử nghiệm 5 tàu hàng có trọng tải từ 50.000 DWT trở lên (có 02 tàu Tôn cuộn xuất khẩu của Tôn Hoa sen, 01 tàu phân bón nhập khẩu của Đạm Phú Mỹ và 02 tàu dăm gỗ) cập cảng làm hàng an toàn, trong đó có tàu SNOWY, trọng tải 63.516 DWT chờ hàng phân bón rời nhập khẩu là tàu có trọng tải lớn nhất mà Cảng tiếp nhận. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng titan thuê kho Cảng để tập kết hàng trước khi xuất khẩu theo yêu cầu của UBND tỉnh Bình Định.

Triển khai phương án marketing năm 2018; tổ chức chương trình tri ân khách hàng; tổ chức thăm và làm việc với Cty Hoàng Anh Gia Lai để kết nối, khai thác lại tuyến container lạnh. Thu hút một số khách hàng mới về làm tại Cảng như Công ty Tiến Hoa Đất Việt (cọc bê tông), Công ty Quy Thành (hàng gạch kiện), Công ty Tân Hoàng (sản lát), Công ty Nguyệt Anh (viên gỗ nén)... và tiếp xúc với các khách hàng TAGS có tiềm năng lớn như Công ty Bunge Việt Nam, Công ty CP để đưa hàng về cảng xếp dỡ. Lôi kéo được một số khách hàng như Công ty Tân Long, Công ty Khai Anh chuyển một phần hàng về cảng Quy Nhơn để làm

- Xây dựng hồ sơ khách hàng và thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng để phục vụ công tác

- Theo dõi, quan hệ khách hàng chi tiết theo từng mặt hàng để chủ động trong việc mời chào khách hàng về làm tại cảng, từng bước xây dựng kênh theo dõi tàu nội địa để chủ động bố trí tàu khi tàu đến khu vực Quy Nhơn.

- Chất lượng dịch vụ của Công ty luôn ổn định và có chất lượng cao, được khách hàng tin nhiệm.

- Rà soát, điều chỉnh lại định mức nhiên liệu của một số phương tiện, mặt hàng phù hợp với thực tế sản xuất. Trong năm đã điều chỉnh 02 lần hệ thống định mức nhiên liệu của một số phương tiện, mặt hàng theo nhu cầu sản xuất.

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

b. Đối với cán bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc đã thực hiện tốt chức trách, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do ban Tổng giám đốc triển khai đều được các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện tốt.

- Tập thể người lao động trong công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của công ty.

c. Đối với người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, Công ty cổ phần Công nghiệp dịch vụ Hàng hải đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận thù lao năm 2018 theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 cụ thể :

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Lê Hồng Thái	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	48.000.000
2	Trần Thị Quỳnh Yên	Nguyên Thành viên HĐQT	9.583.000
3	Nguyễn Thị Nghiệp	Nguyên Thành viên HĐQT	9.583.000
4	Trình Văn Nhất	Nguyên Thành viên HĐQT	9.583.000
5	Nguyễn Văn Phi	Thành viên HĐQT chuyên trách	125.417.000
6	Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT	20.417.000
7	Nguyễn Thế Tâm	Thành viên HĐQT	20.417.000
8	Vũ Hoàng Hải	Thành viên HĐQT	20.417.000

II. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2018:

- Năm 2018, do tình hình kinh doanh của một số doanh nghiệp trong khu vực gặp khó khăn nên nhiều mặt hàng qua Cảng giảm sút mạnh so với kế hoạch và so với cùng kỳ 2017, điển hình như các mặt hàng sản lát, thức ăn gia súc, phân bón, tôn cuộn... giảm từ 17% đến 62% so với cùng kỳ. Hàng Sản lát xuất khẩu giảm hơn 62% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ của thị trường Trung Quốc không tăng và diện tích trồng hạn chế; hàng thức ăn gia súc giảm 43% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ giảm, đồng thời chịu sự cạnh tranh mạnh của các cảng trong khu vực; hàng phân bón giảm 17% so cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ giảm. Đáng chú ý nhất là mặt hàng tôn cuộn được kỳ vọng phát triển tốt với sản lượng theo dự báo đạt trên 300.000 tấn/năm, trong năm do ảnh hưởng của thị trường xuất nhập khẩu nên sản lượng mặt hàng này chỉ đạt 54% so với kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, với việc kết hợp nhiều chính sách hợp lý để thu hút nguồn hàng, áp dụng linh hoạt các giải pháp hỗ trợ khách hàng, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, đầu tư thiết bị chuyên dùng, sắp xếp lại tổ chức sản xuất, và cải tiến thiết bị, quy trình sản xuất, vv... nên một số mặt hàng có mức tăng trưởng tốt: dăm gỗ xuất khẩu có sản lượng thông qua đạt trên 3,8 triệu tấn, tăng gần 60% so với năm 2017, sản lượng container đạt 127.316 teus, tăng 10,3% so với cùng kỳ.

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, kết quả thực hiện năm 2018 cụ thể như sau::

Các chỉ tiêu chính thực hiện năm 2018

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 8.316.499 tấn TQ, tăng 16% so với năm 2017, tăng 8% so với kế hoạch 2018,

- Tổng doanh thu đạt 728 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ, tăng 15% so với kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh dịch vụ đạt 717 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ, tăng 16% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 120,1 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ, tăng 10% so với kế hoạch.

- Nộp ngân sách đạt trên 58 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ.

Năm 2018 Công ty đã áp dụng đồng loạt nhiều biện pháp quản trị, tinh gọn bộ máy quản lý, đầu tư máy móc thiết bị nhằm tăng năng suất lao động, tiết kiệm và sử dụng tối ưu các chi phí để tạo điều kiện tăng lợi nhuận của công ty.

III. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

Theo nhận định 2019 tình hình kinh tế trong nước và khu vực sẽ thuận lợi hơn năm 2018, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn thách thức. Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban Tổng giám đốc và tập thể CB-CNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2019 với kế hoạch và định hướng sau:

1. Triển khai thực hiện đầu tư dự án mở rộng và phát triển Cảng theo quy hoạch phát triển mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 đã được Chính phủ, Bộ GTVT, UBND tỉnh Bình Định phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua cảng trong thời gian đến.

2. Tổ chức bố trí, khai thác cầu bến hợp lý, giải phóng tàu nhanh, kết hợp đưa vào sử dụng công nghệ xếp dỡ nâng cao năng suất lao động; khai thác hiệu quả hệ thống cầu container trên bến, bãi; sử dụng thiết bị, công nghệ vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất như phễu rót hàng rời, ngoạm tự động.v.v...

3. Nâng cao chất lượng dịch vụ container tại bãi (đóng/rút container, giao/nhận container, sửa chữa container). Các giải pháp hướng đến giải quyết cải thiện điều kiện hiện tại, nhằm tạo thêm lợi ích cho các Khách hàng xuất nhập khẩu bằng container, từ đó thu hút hàng hóa xuất nhập bằng container thông qua Cảng Quy Nhơn.

4. Hoàn thiện bộ máy tổ chức công ty: xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ phù hợp, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; rà soát, sắp xếp tổ chức sử dụng lực lượng lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong quản lý lao động công ty.

5. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh phương án tiền lương trong toàn công ty cho phù hợp điều kiện đặc thù cảng biển, đồng thời phù hợp mặt bằng thu nhập chung của khu vực.

6. Duy trì ổn định khách hàng, định hướng cơ cấu lại mặt hàng phù hợp, tập trung khai thác hàng rời và phát triển hàng container, dịch vụ logistics; không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ cho khách hàng, giải phóng tàu nhanh, ngày một nâng cao thương hiệu của Cảng.

7. Điều chỉnh, cắt giảm một số chi phí thuê ngoài, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường nhằm tăng trưởng về doanh thu và sản lượng.

8. Hợp tác liên doanh toàn diện với Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn để đầu tư khai thác cầu, bãi phục vụ xếp dỡ container chuyên dụng.

9. Liên doanh, liên kết đầu tư phương tiện vận tải bộ, phát triển thị phần vận tải bộ, tăng trưởng dịch vụ cung ứng xăng dầu.

10. Rà soát lại, hợp lý hóa các quy trình tác nghiệp, bốc xếp hàng hóa đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

11. Tổ chức bố trí, khai thác cầu bến hợp lý, giải phóng tàu nhanh, kết hợp đưa vào sử dụng công nghệ xếp dỡ nâng cao năng xuất lao động; khai thác hiệu quả hệ thống cầu container chuyên dụng; sử dụng thiết bị, công nghệ vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất như phễu rót hàng rời, ngạp tự động.v.v...

9. Đẩy mạnh đầu tư phát triển Cảng Quy Nhơn đúng quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giám sát việc thực hiện tiến độ đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Công ty, kịp thời đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD.

10. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động.

11. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công tác ATLĐ, ATTB, PCCC, PCBL trong khu vực cảng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành sản xuất.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: *KTM*

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẢNG
QUY NHƠN
T.P. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH



Lê Hồng Thái
Lê Hồng Thái

Số: 218/CQN-BKS

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn .

Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý trong Công ty.

- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản trị công nợ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác.

- Trong năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, kiến nghị nào của Cổ đông hoặc của cán bộ công nhân viên lao động về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty.

- Ban kiểm soát đã nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 10.000.000 đồng /tháng/người

- Thành viên BKS không chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng/người

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

- Các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ theo Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

- Hội đồng quản trị cũng đã quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành và các bộ phận chuyên môn xây dựng, bổ xung các quy trình, quy chế hoạt động của Công ty để quản trị doanh nghiệp cũng như để xây dựng và nâng cao thương hiệu của Công ty.

2. Hoạt động của Ban điều hành Công ty

- Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, luôn bám sát Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

- Ban điều hành đã tổ chức mọi hoạt động của Công ty hiệu quả nhất, những vấn đề vượt thẩm quyền Ban điều hành đã báo cáo để Hội đồng quản trị quyết định và chỉ đạo kịp thời.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Các chỉ tiêu cơ bản như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tai sản ngắn hạn	349.590.436.948	316.017.194.964
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	59.093.834.141	141.247.168.713
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	147.827.000.000	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	133.968.089.976	163.887.865.445
4	Hàng tồn kho	7.515.455.200	8.795.688.001
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.186.057.631	2.086.472.805
II	Tài sản dài hạn	224.684.165.629	330.740.244.453
1	Các khoản phải thu dài hạn	66.450.000	101.000.000
2	Tài sản cố định	186.522.702.417	295.004.853.934
3	Tài sản dở dang dài hạn	2.065.203.915	1.122.602.364
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	27.075.920.000	27.075.920.000
5	Tài sản dài hạn khác	8.953.889.297	7.435.868.155
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	574.274.602.577	646.757.439.417

I	Nợ phải trả:		
	- Nợ ngắn hạn	40.325.582.049	87.381.938.836
	- Nợ dài hạn	0	0
II	Vốn chủ sở hữu	533.949.020.528	559.375.500.581
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	404.099.500.000	404.099.500.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	53.234.994.214	58.579.363.071
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	76.614.526.314	96.696.637.510
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	574.274.602.577	646.757.439.417
III	Khả năng thanh toán		
1	Khả năng thanh toán nhanh	1,47 Lần	1,62 Lần
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	8,67 Lần	3,62 Lần
3	Khả năng thanh toán hiện hành	14,24 Lần	7,40 Lần
IV	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	16,34%	18,58%
V	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	13,41%	14,95%
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.743	2.393

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a/ Tình hình tài chính:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	574.274.602.577	646.757.439.417
Doanh thu thuần	550.916.240.912	717.298.106.207
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	92.593.928.743	119.504.976.084
Lợi nhuận khác	1.252.522.007	632.858.384
Lợi nhuận trước thuế	93.846.450.750	120.137.834.468
Lợi nhuận sau thuế	77.034.753.514	96.696.637.510

b/ Công tác quản lý tài chính

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, minh bạch trên báo cáo tài chính và đã được Công ty TNHH kiểm toán VACO thành phố Hà Nội kiểm toán.

- Công ty thực hiện công tác kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Kiểm tra giám sát các hoạt động, quản lý, điều hành, tình hình triển khai nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm

Kiểm tra, giám sát việc ký kết, thực hiện có hiệu quả các hợp đồng

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ :

Tăng cường công tác thu hồi công nợ có hiệu quả

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Quý vị Đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận

- Như trên;
- HĐQT(B/c);
- Lưu VT, BKS Công ty.



BÁO CÁO

V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung.

Năm 2018 tình hình thế giới diễn biến phức tạp; cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt. Kinh tế toàn cầu phục hồi nhưng chưa ổn định; chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại gia tăng; khoa học công nghệ phát triển nhanh và cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Nước ta kế thừa thành tựu hơn 30 năm đổi mới, kinh tế trong nước phát triển nhanh, GDP đạt 7.08% cao nhất trong vòng 10 năm, trong xu hướng tích cực này Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã chủ động trong khai thác thị trường và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực tiếp thị nguồn hàng, tàu hàng, xây dựng kế hoạch tác nghiệp cầu bến, bố trí lao động hợp lý để khai thác tốt năng lực cơ sở hạ tầng hiện có nhằm giảm chi phí sản xuất và khai thác hiệu quả các nguồn hàng.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị phù hợp với thực tế sản xuất, tích cực phối hợp với các cơ quan ban ngành thúc đẩy giải phóng mặt bằng; thường xuyên cải tiến quy trình sản xuất, thiết bị, công cụ bốc xếp để nâng cao năng suất lao động và giải phóng tàu nhanh.

Các quy chế, quy định nội bộ được ban hành kịp thời; điều chỉnh định mức nhiên liệu tiêu thụ của phương tiện thiết bị, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí trong duy tu sửa chữa ...

II. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018.

1. Thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính.

Năm 2018, do tình hình kinh doanh của một số doanh nghiệp trong khu vực gặp khó khăn nên nhiều mặt hàng qua Cảng giảm sút mạnh so với kế hoạch và so với cùng kỳ 2017, điển hình như các mặt hàng sản lát, thức ăn gia súc, phân bón, tôn cuộn... giảm từ 17% đến 62% so với cùng kỳ. Hàng Sản lát xuất khẩu giảm hơn 62% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ của thị trường Trung Quốc không tăng và diện tích trồng hạn chế; hàng thức ăn gia súc giảm 43% so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ giảm, đồng thời chịu sự cạnh tranh mạnh của các cảng trong khu vực; hàng phân bón giảm 17% so cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ giảm. Đáng chú ý nhất là mặt hàng tôn cuộn được kỳ vọng phát triển tốt với sản lượng theo dự báo đạt trên 300.000 tấn/năm, trong năm do ảnh hưởng của thị trường xuất nhập khẩu nên sản lượng mặt hàng này chỉ đạt 54% so với kế hoạch đề ra. Ngày 06/12/2018 Công ty TNHH

VTB Cừ Long đã không bố trí tàu để lại đất tàu Container MSC Reneuion và đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 274/CUULONG/2016/01.02 để ký trực tiếp hợp đồng lai đất với một số hãng tàu, việc này làm suy giảm trực tiếp doanh thu của Cảng và đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và thương hiệu của Cảng đối với các khách hàng, hãng tàu.

Tuy nhiên nhờ sự nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty cộng với việc kết hợp nhiều chính sách hợp lý để thu hút nguồn hàng, áp dụng linh hoạt các giải pháp hỗ trợ khách hàng, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ, đầu tư thiết bị chuyên dùng, sắp xếp lại tổ chức sản xuất, và cải tiến thiết bị, quy trình sản xuất, vv... Đồng thời giải quyết tình huống cấp bách, thuê ngay đội tàu lai đất khác đến ngày 31/12/2018 đã đưa vào khai thác tại Cảng Quy Nhơn. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 đã mang lại hiệu quả nhiều mặt hàng có mức tăng trưởng tốt: đảm bảo xuất khẩu có sản lượng thông qua đạt trên 3,8 triệu tấn, tăng gần 60% so với năm 2017, sản lượng container đạt 127.316 teus, tăng 10,3% so với cùng kỳ.

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, kết quả thực hiện năm 2018 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch năm 2018 (%)	Tỷ lệ thực hiện năm 2018/2017 (%)
1	Tổng sản lượng quy đổi	Tấn	7.700.000	8.316.499	108	116
	<i>Trong đó: hàng container</i>	Teus	140.000	127.316	91	110
-	Hàng xuất khẩu	Tấn	4.035.188	5.402.775	134	131
-	Hàng nhập khẩu	Tấn	1.191.843	1.078.434	90	100
-	Hàng nội địa	Tấn	2.472.969	1.835.291	74	93
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	633.000	728.587	115	129
	<i>Trong đó: doanh thu kinh doanh</i>	Tr.đồng	620.000	717.298	116	130
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	110.000	120.137	109	128
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	88.000	96.696	110	125
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.178	2.393	110	137

Trong đó:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 8.316.499 tấn, tăng 16% so với năm 2017, tăng 8% so với kế hoạch.

- Tổng doanh thu đạt 728,5 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ, tăng 15% so với kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh dịch vụ đạt 717,3 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ, tăng 15% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 120,1 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ, tăng 9% so với kế hoạch. Nộp ngân sách đạt trên 58 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động đầu tư

Được xác định là vấn đề quan trọng nhất để phát triển cảng nên Công ty đã tập trung nghiên cứu, bàn bạc, tính toán rất kỹ và đưa ra lộ trình đầu tư hết sức hài hòa, hợp lý phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh bao gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: từ năm 2014 - đến năm 2018, tập trung nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng kém chất lượng và sắp xếp lại cho hợp lý khoa học đồng thời tập trung mua

sắm phương tiện thiết bị chuyên dùng hiện đại thay thế các trang thiết bị cũ lạc hậu nhằm nâng cao năng suất xếp dỡ hàng hóa góp phần giải phóng tàu nhanh.

- Giai đoạn II: từ năm 2019 đến 2022, tập trung giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư cầu cảng và đầu tư mở rộng cảng theo quy hoạch đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Trên cơ sở định hướng trên, giá trị đầu tư trong năm 2018 đạt 167 tỷ đồng tăng 208% so với cùng kỳ bao gồm các hạng mục chính như sau:

2.1. Hạng mục đầu tư đã thực hiện:

Hoàn thành đầu tư đưa vào sử dụng bộ thiết bị cần cầu chuyên dụng phục vụ khai thác container bao gồm 02 cầu giàn STS và 05 cầu RTG.

Hoàn thành đầu tư hạ tầng phục vụ bộ cầu (đầu tư, nâng cấp 6.600 m² bãi chứa container; hệ thống 400md ray A100, 02 TBA 22/6,6KV và hệ thống phân phối điện trung áp, neo chống bão cho cầu).

Phối hợp UBND thành phố Quy Nhơn tiến hành giải phóng mặt bằng 24 hộ dân Khu văn phòng Cảng.

Hoàn thành đầu tư 01 xe nâng làm hàng tôn cuộn; 05 somi rơ moóc chuyên dùng; 01 bộ ngáng làm hàng thiết bị siêu trường, siêu trọng; trụ đèn chiếu sáng bãi cont.v.v...

2.2. Hạng mục đầu tư chưa thực hiện:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018, một số dự án chưa thể triển khai theo kế hoạch do các yếu tố khách quan như:

Hợp tác xây dựng 10.000 m² kho chứa TAGS chuyên dụng: do hàng thức ăn gia súc thông qua cảng năm 2018 giảm mạnh chỉ bằng 43% so với kế hoạch đề ra.

Giải phóng mặt bằng Công ty xăng dầu Bình Định (50 tỷ) và Công ty Dịch vụ công nghiệp hàng hải (30 tỷ): do Ban quản lý GPMB tỉnh đang thực hiện công tác hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng.

Đầu tư mở rộng 7,4 ha bãi sau cầu tàu số 05: do UBND tỉnh Bình Định yêu cầu Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn tạm dừng triển khai để xem xét ý kiến của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

Đầu tư nâng cấp bổ xung hệ thống ray, nối dài 30m cầu tàu số 4; đầu tư 200md cầu tàu (100 tỷ); đầu tư bãi hàng bãi công nghệ và cầu tàu số 1; di chuyển trạm xăng dầu: do ảnh hưởng việc UBND tỉnh Bình Định có văn bản yêu cầu xem xét điều chỉnh quy hoạch mở rộng Cảng Quy Nhơn.

Ngoài ra, một số hạng mục đầu tư dở dang trong năm 2018 sẽ tiếp tục triển khai đầu tư trong năm 2019.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1. Đánh giá tình hình:

Năm 2019, tình hình kinh tế thế giới dự báo sẽ tiếp tục diễn biến tích cực, có thể tăng trưởng cao hơn năm 2018, tuy nhiên tiềm ẩn những biến động khó lường, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, rào cản thương mại được dựng lên ngày càng nhiều thông qua việc áp thuế chống bán phá giá đã gây khó khăn cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra thị trường thế giới. Bên cạnh đó vẫn có một số thuận lợi như việc tham gia các hiệp định thương mại như CPTPP, EVFTA... sẽ mang lại tác động tích cực tới kinh tế Việt Nam trong năm 2019 đồng thời dòng vốn đầu tư FDI có xu hướng chuyển dịch về các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam thay vì đầu tư vào Trung Quốc như trước đây sẽ là động lực để thúc đẩy nền kinh tế phát triển...

Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh; đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân.

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, với quyết tâm thực hiện đầu tư năm 2018 đã hoàn thành đầu tư thiết bị: 02 bộ cầu giàn trên bến, 05 cầu giàn tại bãi container, cùng nhiều phương tiện thiết bị hiện đại khác, nâng cấp bãi container... tạo tiền đề tốt để nâng cao năng suất, giải phóng tàu nhanh.

* Về tình hình thị trường:

- *Hàng xuất khẩu:*

Hàng nông sản: theo dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường Trung Quốc không tăng do một số nhà máy còn tại Trung Quốc vẫn tiếp tục bị kiểm soát chặt về vấn đề môi trường, và nhu cầu tiêu thụ trong nước có xu hướng tăng (cung cấp cho các nhà máy sản xuất tinh bột, cồn và chế biến xăng sinh học E5), dự kiến sản lượng hàng qua Cảng đạt 300.000 tấn, tăng 2% so với năm 2018.

Hàng dăm gỗ: theo dự báo tình hình xuất khẩu hàng dăm gỗ năm 2019 vẫn tiếp tục thuận lợi, nhu cầu tiêu thụ của thị trường Trung Quốc vẫn còn rất lớn và giá xuất khẩu đang tốt nên dự kiến nguồn hàng dăm gỗ qua cảng năm 2019 vẫn duy trì ổn định, ước sản lượng khoảng 3,8 triệu tấn thông qua, tương đương so với năm 2018.

Hàng viên gỗ nén: theo dự báo nguồn hàng viên gỗ nén tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2019 do nhu cầu tiêu thụ của thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc còn rất lớn, nguồn cung hàng tiếp tục được bổ sung từ khu vực Miền Nam (thông qua nhập các container nội địa về Cảng Quy Nhơn, dự kiến khoảng 150.000 tấn) và một số đơn vị mới đã xây dựng Nhà máy sản xuất làm tăng thị phần xuất khẩu viên nén trong năm 2019 như Công ty TNHH Năng Lượng Sinh Học Tín Nhân, Công ty Tâm Phúc... dự kiến sản lượng hàng qua cảng năm 2019 ước khoảng 640.000 tấn, tăng 51% so với năm 2018.

- *Hàng nhập khẩu:* theo dự báo nhu cầu tiêu thụ phân bón có xu hướng tăng trong năm 2019, tuy nhiên hiện nay giá phân bón đang có xu hướng tăng do chính sách thuế trong nước và thế giới nên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng tiêu thụ mặt hàng này. Dự kiến sản lượng năm 2019 đạt 370.000 tấn, tăng 11% so với năm 2018.

- *Hàng nội địa:*

Hàng tôn cuộn: tiếp tục là năm khó khăn đối với mặt hàng tôn cuộn xuất, nhập khẩu. Đến khoảng tháng 4/2019, Tập đoàn Hoa Sen mới có kế hoạch nhập khẩu hàng trở lại. Dự kiến sản lượng năm 2019 đạt 180.000 tấn, tăng 26% so với năm 2018.

Hàng xi măng: nguồn hàng xi măng rời qua cảng dự kiến sẽ có sự tăng trưởng tốt hơn so với năm 2018 do Trạm đóng bao của Vicem Hải Vân dần đi vào hoạt động ổn định, sản lượng tiêu thụ bình quân khoảng 8.000 tấn/tháng, Trạm đóng bao của Công ty cổ phần Trạm trung chuyển xi măng Bình Định vẫn giữ ổn định sản lượng tiêu thụ khoảng 28.000 tấn/tháng nên dự kiến nguồn hàng xi măng rời khoảng 430.000 tấn, tăng 23% so với năm 2018 và xi măng bao đạt 124.000 tấn.

Hàng thức ăn gia súc: Năm 2019 là năm tăng trưởng của hàng nguyên liệu thức ăn gia súc vì hầu hết các Công ty sản xuất, chế biến loại hàng này đều đã đặt nhà máy tại Bình Định và việc đầu tư thêm các silo chứa hàng của các nhà máy cũng như mở rộng quy mô trang trại chăn nuôi như Nhà máy C.P Việt Nam tại Bình Định. Dự kiến sản lượng khoảng 375.000 tấn, tăng 29% so năm 2018.

Hàng Container: nhờ sự đầu tư mạnh mẽ trong năm 2018 đã đáp ứng được nhu cầu mong mỏi của khách hàng, sản lượng container xuất nhập khẩu dự kiến tăng khoảng 14% so với năm 2018, tương đương khoảng 18.000 Teus. Mức tăng trưởng chủ yếu đến từ các mặt hàng như gỗ, đá, thức ăn gia súc, hạt điều, nhựa giả mây và nguồn hàng mới nhiều khả năng nhập về Cảng (pin năng lượng mặt trời); Sản lượng container trung chuyển nội địa tăng 24% so với năm 2018, tương đương khoảng hơn 6000 TEUs. Mức tăng trưởng chủ yếu đến từ mặt hàng viên gỗ nén đóng container.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Trên cơ sở dự báo và đánh giá tình hình, các chỉ tiêu chính của năm 2019 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh KH 2019 với TH năm 2018
1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.316.499	8.870.000	107%
	Trong đó: hàng container	Teus	127.316	145.000	114%
-	Hàng xuất khẩu	Tấn	5.402.775	5.654.826	105%
-	Hàng nhập khẩu	Tấn	1.078.434	1.169.088	108%
-	Hàng nội địa	Tấn	1.835.291	2.046.086	111%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	728.587	767.600	105%
	Trong đó:				
	Doanh thu khai thác cảng	Triệu đồng	448.144	472.585	105%
	Doanh thu dịch vụ cảng	Triệu đồng	269.154	290.617	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	120.137	125.000	104%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	96.696	100.000	103%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.393	2.500	104%

3. Kế hoạch đầu tư năm 2019

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu cấp thiết phục vụ sản xuất, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	TMĐT	KẾ HOẠCH	THIẾT BỊ	HẠ TẦNG
	KẾ HOẠCH NĂM 2019				
	Dữ dăng 2018 chuyển sang		12.000		12.000
1	Đầu tư kho chứa thức ăn gia súc chuyên dụng.	30.000	10.000		10.000
2	Đầu tư hệ thống kiểm soát ra vào cổng và in hóa đơn điện tử	2.000	2.000		2.000
	Đầu tư thêm trong năm		170.000	40.000	130.000
1	Đầu tư xây dựng Tòa nhà dịch vụ và văn phòng điều hành Công ty (tại vị trí giải phóng mặt bằng 24 hộ dân)	100.000	60.000		60.000
2	Đầu tư bãi hàng bãi công nghệ giai đoạn 1 (6,8 ha)	120.000	60.000		60.000
3	Đầu tư xây dựng trung tâm	20.000	5.000		5.000

	điều hành khai thác				
4	Đầu tư hệ thống điện phục vụ bộ cần cầu RTG	15.000	15.000	15.000	
5	Đầu tư, cải tạo nâng cấp khu vực tâm linh giáp bãi đầm gỗ Đức Hải	5.000	5.000		5.000
6	Đầu tư phương tiện thiết bị xếp dỡ và duy tu cơ sở hạ tầng; nghiên cứu lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch mở rộng Cảng Quy Nhơn; Duy tu, bảo trì công trình hàng hải.v.v...	25.000	25.000	25.000	
	Cộng năm 2019		182.000	40.000	142.000

Về cơ sở hạ tầng: tiếp tục thực hiện đầu tư các hạng mục dở dang năm 2018 như: đầu tư kho chứa thức ăn gia súc chuyên dụng; Đầu tư hệ thống kiểm soát ra vào công và in hóa đơn điện tử; triển khai đầu tư trong năm 2019 như đầu tư bãi hàng bãi công nghệ giai đoạn 1 (6,8 ha), thủ tục xây dựng Tòa nhà dịch vụ và văn phòng điều hành Công ty sau khi đã GPMB 24 hộ dân; đầu tư xây dựng trung tâm điều hành khai thác; duy tu, bảo trì công trình hàng hải, cơ sở hạ tầng .v.v...

Về phương tiện thiết bị: rà soát thanh lý các phương tiện cũ thường xuyên hư hỏng, đầu tư phương tiện thay thế góp phần tăng cao hiệu quả sử dụng thiết bị giảm thiểu chi phí sửa chữa; đầu tư hệ thống điện và nâng cấp một số thiết bị đang sử dụng diesel sang sử dụng điện.

Tổng mức đầu tư dự kiến năm 2019 là 182 tỷ đồng.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn phê duyệt phương án và thực hiện huy động vốn cho các dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

Nguồn vốn thực hiện: Hội đồng quản trị xem xét quyết định cụ thể tỷ lệ giữa vốn tự có và vốn huy động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

Công ty sẽ sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tự có hoặc nguồn vốn vay thông qua việc nghiên cứu, điều chỉnh các dự án đầu tư, công trình phù hợp với thực tế sản xuất, để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019.

4. Các giải pháp chủ yếu phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2019

Để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2019, Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đề ra các giải pháp chủ yếu như sau:

Triển khai nghiên cứu lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch Cảng Quy Nhơn và thực hiện đầu tư dự án mở rộng và phát triển Cảng theo quy hoạch phát triển mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 đã được Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Bình Định phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa thông qua cảng trong thời gian đến.

Triển khai ký hợp đồng dài hạn với một số Đơn vị cho thuê tàu lai uy tín để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, đáp ứng nhu cầu của các hãng tàu đồng thời đây cũng là một dịch vụ trọng yếu của Cảng.

Tổ chức bố trí, khai thác cầu bến hợp lý, giải phóng tàu nhanh, kết hợp đưa vào sử dụng công nghệ xếp dỡ nâng cao năng suất lao động; khai thác hiệu quả hệ thống cầu container trên bến, bãi; sử dụng thiết bị, công nghệ vào sản xuất để giảm sức lao động, tăng năng suất như phễu rót hàng rời, ngoạm tự động.v.v...

Hoàn thiện bộ máy tổ chức công ty: xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ phù hợp, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; rà soát, sắp xếp tổ chức sử dụng lực lượng lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong quản lý lao động công ty.

Nâng cao chất lượng dịch vụ container tại bãi (đóng/rút container, giao/nhận container, sửa chữa container). Các giải pháp hướng đến giải quyết cải thiện điều kiện hiện tại, nhằm tạo thêm lợi ích cho các Khách hàng xuất nhập khẩu bằng container, từ đó thu hút hàng hóa xuất nhập bằng container thông qua Cảng Quy Nhơn.

Duy trì ổn định khách hàng, định hướng cơ cấu lại mặt hàng phù hợp, tập trung khai thác hàng rời và phát triển hàng container, dịch vụ logistics; không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ cho khách hàng, giải phóng tàu nhanh, nâng cao thương hiệu của Cảng.

Điều chỉnh, cắt giảm một số chi phí thuê ngoài, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường nhằm tăng trưởng về doanh thu và sản lượng.

Hợp tác liên doanh toàn diện với Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn để đầu tư khai thác cầu, bãi, thiết bị phục vụ xếp dỡ container chuyên dụng.

Liên doanh, liên kết đầu tư phương tiện, phát triển thị phần vận tải bộ, tăng trưởng dịch vụ cung ứng xăng dầu.

Rà soát lại, hợp lý hóa các quy trình tác nghiệp, bóc xếp hàng hóa đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Giám sát việc thực hiện tiến độ đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của Công ty, kịp thời đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD.

Thực hiện đúng theo các quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động.

Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công tác ATLĐ, ATTB, PCCC, PCBL trong khu vực cảng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành sản xuất.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT, KHĐT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Lê Hồng Thái

CÔNG TY CP CẢNG QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27 /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán,
Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018**

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 22/04/2017.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ vào qui chế tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được Hội đồng quản trị công ty thông qua ngày 01/08/2014.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, phân phối lợi nhuận và chia trả cổ tức năm 2018 như sau:

I/ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018

1/Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 (số liệu đã kiểm toán) so với kế hoạch

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ% so kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	717.858.674.998	620.000.000.000	116%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	560.568.791		
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	717.298.106.207	620.000.000.000	116%
4. Giá vốn hàng bán	11	539.228.369.301	454.015.928.061	119%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20	178.069.736.906	165.984.071.939	107%

dịch vụ (20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	10.263.720.237	11.720.000.000	88%
7. Chi phí tài chính	22	5.220.251.571	5.991.340.000	87%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.242.684.300	-	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	15.371.521.164	11.985.339.974	128%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	48.236.708.324	50.561.381.517	95%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	119.504.976.084	109.166.010.448	109%
12. Thu nhập khác	31	1.026.421.537	1.200.000.000	86%
13. Chi phí khác	32	393.563.153	365.770.030	108%
14. Lợi nhuận khác (40=31-23)	40	632.858.384	834.229.970	76%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	120.137.834.468	110.000.240.418	109%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.441.196.958	22.000.240.418	107%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	96.696.637.510	88.000.000.000	110%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	-		
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-		
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	2.393	1743	110%
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

2/ Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 31/12/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.017.194.964	349.590.436.948
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	141.247.168.713	59.093.834.141
Tiền	111		49.947.168.713	24.093.834.141
Các khoản tương đương tiền	112		91.300.000.000	35.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	-	147.827.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	147.827.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.887.865.445	133.968.089.976
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03	127.963.099.826	89.662.237.772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.231.319.162	45.306.582.436
Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	33.777.226.316	1.746.320.743
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.083.779.859)	(2.747.050.975)
Hàng tồn kho	140		8.795.688.001	7.515.455.200
Hàng tồn kho	141	VI.07	8.795.688.001	7.515.455.200
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.086.472.805	1.186.057.631
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13	2.086.472.805	1.186.057.631

TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.740.244.453	224.684.165.629
Các khoản phải thu dài hạn	210		101.000.000	66.450.000
Phải thu dài hạn khác	216	VI.04	101.000.000	66.450.000
Tài sản cố định	220		295.004.853.934	186.522.702.417
Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	294.432.047.085	185.168.595.334
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>1.096.227.162.285</i>	<i>925.108.386.710</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>		<i>(801.795.115.200)</i>	<i>(739.939.791.376)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	572.806.849	1.354.107.083
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>5.743.062.311</i>	<i>5.743.062.311</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229</i>		<i>(5.170.255.462)</i>	<i>(4.388.955.228)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.122.602.364	2.065.203.915
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08	1.122.602.364	2.065.203.915
Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.075.920.000	27.075.920.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.608.000.000	7.608.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253	VI.02	19.467.920.000	19.467.920.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.435.868.155	8.953.889.297
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	7.435.868.155	8.953.889.297

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		646.757.439.417	574.274.602.577
--	------------	--	------------------------	------------------------

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu năm 31/12/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		87.381.938.836	40.325.582.049
Nợ ngắn hạn	310		87.381.938.836	40.325.582.049
Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	34.955.954.840	5.518.082.816
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.470.611.430	5.868.592.992
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	6.988.010.295	9.168.325.309
Phải trả người lao động	314		17.656.386.976	10.584.731.913
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	24.335.402.019	5.639.244.608
Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	68.044.400	924.402.342
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.907.528.876	2.622.202.069
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.25	559.375.500.581	533.949.020.528
Vốn chủ sở hữu	410		559.375.500.581	533.949.020.528
Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000

Quỹ đầu tư phát triển	418		58.579.363.071	53.234.994.214
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.696.637.510	76.614.526.314
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(420.227.200)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.696.637.510	77.034.753.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	600		646.757.439.417	574.274.602.577

(Chi tiết theo báo cáo tài chính đã kiểm toán kèm theo)

II/ Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018

1. Phân phối lợi nhuận năm 2018

Đơn vị tính : đồng

Trích Yếu	Tỷ lệ trích	Số tiền	Ghi chú
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước			
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		96.696.637.510	
Lợi nhuận được phân phối		96.696.637.510	
a) Quỹ đầu tư phát triển (2% -10%)	7,50%	7.271.342.758	
b) Quỹ phúc lợi tập thể (2%-10%)	3,00%	2.900.899.125	
c) Quỹ khen thưởng CBNV(6%-10%)	5,00%	4.834.831.876	
c) Quỹ khen thưởng Ban điều hành (Trích 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch)	10,00%	869.663.751	(Kế hoạch 88 tỷ đồng)
g) Tiền lợi nhuận chia cổ tức		80.819.900.000	
Tỷ lệ cổ tức được chia dự kiến		20,00%	

2/ Chia Cổ Tức 2018

a/ Chia cổ tức năm 2018: tỷ lệ chi trả cổ tức là 20% tức là 2.000 đồng/cổ phiếu.

- Cổ tức tạm ứng đợt I/2018 là 8% tức là 800 đồng/cổ phiếu.

- Cổ tức chi trả đợt II/2018 là 12% tức là 1.200 đồng/cổ phiếu.

b/ Thời gian chốt danh sách và chia cổ tức: Chốt danh sách hưởng quyền chia cổ tức đợt II năm 2018 ngày 03/05/2019, ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 15/05/2019.

c/ Hình thức chi trả: Tiền mặt

d/ Giao Ban điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3/ Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019

a/ kế hoạch chia cổ tức năm 2019: tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức là 20% tức là 2.000 đồng/cổ phiếu

c/ Hình thức chi trả: Tiền mặt

d/ Ủy quyền hội đồng Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện tạm ứng, chi trả theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban tổng giám đốc
- Lưu TCHC, KTTV.



Lê Hồng Thái



(Kèm theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	8 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Thái	Chủ tịch (Bầu ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 26/04/2018)
Ông Vũ Hoàng Hải	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thế Tâm	Thành viên HĐQT (Bầu ngày 26/04/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trình Văn Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Thái	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Hồng Thái
Tổng Giám đốc

TP. Quy Nhơn, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Số: 028 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày / / , từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO



Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		316.017.194.964	349.590.436.948
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	141.247.168.713	59.093.834.141
1. Tiền	111		49.947.168.713	24.093.834.141
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.300.000.000	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	147.827.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	147.827.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.887.865.445	133.968.089.976
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	127.963.099.826	89.662.237.772
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.231.319.162	45.306.582.436
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	33.777.226.316	1.746.320.743
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.083.779.859)	(2.747.050.975)
IV. Hàng tồn kho	140	9	8.795.688.001	7.515.455.200
1. Hàng tồn kho	141		8.795.688.001	7.515.455.200
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.086.472.805	1.186.057.631
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.086.472.805	1.186.057.631
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		330.740.244.453	224.684.165.629
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		101.000.000	66.450.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	101.000.000	66.450.000
II. Tài sản cố định	220		295.004.853.934	186.522.702.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	294.432.047.085	185.168.595.334
- Nguyên giá	222		1.096.227.162.285	925.108.386.710
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(801.795.115.200)	(739.939.791.376)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	572.806.849	1.354.107.083
- Nguyên giá	228		5.743.062.311	5.743.062.311
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.170.255.462)	(4.388.955.228)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.122.602.364	2.065.203.915
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.122.602.364	2.065.203.915
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	27.075.920.000	27.075.920.000
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		7.608.000.000	7.608.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.467.920.000	19.467.920.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.435.868.155	8.953.889.297
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.435.868.155	8.953.889.297
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		646.757.439.417	574.274.602.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.381.938.836	40.325.582.049
I. Nợ ngắn hạn	310		87.381.938.836	40.325.582.049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	34.074.597.704	5.518.082.816
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.470.611.430	5.868.592.992
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.988.010.295	9.168.325.309
4. Phải trả người lao động	314		17.656.386.976	10.584.731.913
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	24.543.606.353	5.639.244.608
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		741.197.202	924.402.342
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.907.528.876	2.622.202.069
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		559.375.500.581	533.949.020.528
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	559.375.500.581	533.949.020.528
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.579.363.071	53.234.994.214
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		96.696.637.510	76.614.526.314
- LNST/ (Lỗ) chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	(420.227.200)
- LNST/ (Lỗ) chưa phân phối năm nay	421b		96.696.637.510	77.034.753.514
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		646.757.439.417	574.274.602.577



Lê Hồng Thái
Tổng Giám đốc

TP. Quy Nhơn, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phi Long
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	717.858.674.998	551.480.466.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		560.568.791	564.226.056
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	717.298.106.207	550.916.240.912
4. Giá vốn hàng bán	11	20	539.228.369.301	416.660.271.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		178.069.736.906	134.255.969.664
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.263.720.237	15.666.506.282
7. Chi phí tài chính	22	23	5.220.251.571	1.688.803.510
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.242.684.300	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	15.371.521.164	14.231.454.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	48.236.708.324	41.408.288.908
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		119.504.976.084	92.593.928.743
11. Thu nhập khác	31		1.026.421.537	1.487.356.665
12. Chi phí khác	32		393.563.153	234.834.658
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		632.858.384	1.252.522.007
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		120.137.834.468	93.846.450.750
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	23.441.196.958	16.811.697.236
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		96.696.637.510	77.034.753.514
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	2.393	1.743



Lê Hồng Thái
Tổng Giám đốc

TP. Quy Nhơn, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phi Long
Người lập



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	120.137.834.468	93.846.450.750
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	62.636.624.058	62.167.816.508
- Các khoản dự phòng	03	(663.271.116)	(1.494.242.543)
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	341.528.356	104.281.165
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.341.742.789)	(15.576.073.223)
- Chi phí lãi vay	06	2.242.684.300	-
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	175.353.657.277	139.048.232.657
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(29.174.879.553)	(9.126.997.557)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(1.280.232.801)	(1.078.644.347)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	40.444.120.073	(11.039.712.438)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.989.039.787	(1.194.236.867)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.242.684.300)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.411.697.236)	(14.055.763.151)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.328.910.650)	(5.554.167.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	151.348.412.597	96.998.711.097
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(129.360.120.158)	(65.150.847.148)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	134.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	147.827.000.000	(47.827.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.152.709.133	15.666.506.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.619.588.975	(97.176.795.411)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	44.532.112.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(44.532.112.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(96.994.397.500)	(42.923.118.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(96.994.397.500)	(42.923.118.590)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	81.973.604.072	(43.101.202.904)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	59.093.834.141	102.121.165.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	179.730.500	73.871.600
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	141.247.168.713	59.093.834.141



Lê Hồng Thái
Giám đốc

TP. Quy Nhơn, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phi Long
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn có 100% vốn nhà nước cấp, theo Quyết định số: 804/QĐ-HDQT ngày 31/10/2009 của Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam; Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 23/10/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 404.099.500.000 đồng.

Công ty có trụ sở tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 820 người (tại ngày 31/12/2017 là 848 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu biển; kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Đại lý vận tải hàng hóa; Đại lý tàu biển; Đại lý vận tải thủy bộ; Vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các đơn vị thành viên trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
2.	Xí Nghiệp Kinh doanh Dịch Vụ Tổng Hợp - Chi Nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
3.	Xí Nghiệp sửa chữa Cơ Khí - Chi Nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa cầu cảng, văn phòng; Giá trị các loại công cụ, dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá ba năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt hoặc tạm trích theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải: Công ty liên kết;
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn: Cùng Ban lãnh đạo;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành: Công ty mẹ;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠNSố 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	224.477.809	1.047.381.060
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.722.690.904	23.046.453.081
Các khoản tương đương tiền (i)	91.300.000.000	35.000.000.000
Cộng	141.247.168.713	59.093.834.141

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 4,7% đến 5,3%.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	127.963.099.826	89.662.237.772
Công ty TNHH MAERSK Việt Nam	7.344.905.880	9.999.541.377
Công ty TNHH Thương Mại Quý Phước	6.290.154.280	4.999.672.645
Công ty TNHH MSC Việt Nam	3.413.345.634	4.739.282.849
Các khoản phải thu khách hàng khác	110.914.694.032	69.923.740.901
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	46.955.704	3.373.616
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	46.955.704	3.373.616

6. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Tuấn Kiệt	1.559.635.907	917.063.881
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phúc Vinh	920.733.520	555.169.422
Công ty TNHH Tổng hợp và Thương Mại Quang Minh	457.968.513	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu Khí IMICO	-	39.855.688.000
Đối tượng khác	1.292.981.222	3.978.661.133
Cộng	4.231.319.162	45.306.582.436

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.777.226.316	-	1.746.320.743	-
- Tạm ứng	440.285.007	-	245.000.000	-
- Bảo hiểm xã hội	317.483.711	-	152.864.805	-
- Bảo hiểm y tế	47.821.350	-	51.961.050	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	33.713.900	-	34.640.700	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	730.558.333	-	919.591.989	-
- Tạm ứng cổ tức cho cổ đông (i)	32.277.491.202	-	-	-
- Phải thu khác	(70.127.187)	-	342.262.199	-
b) Dài hạn	101.000.000	0	66.450.000	-
- Ký cược, ký quỹ	101.000.000	-	66.450.000	-

Ghi chú: (i) Tạm chia cổ tức theo Nghị quyết 39/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 17/08/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Nợ xấu Văn phòng Công ty	3.316.906.393	1.958.245.063	13.243.218.829	11.463.653.498
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội Kinh Bắc	349.244.506	104.773.352	343.252.472	174.622.253
Công ty CP Vinalines Nha Trang	140.287.983	-	140.287.983	-
DNTN Phú Lợi	340.604.738	201.339.840	885.417.381	885.417.381
Các đối tượng khác	2.486.769.166	1.652.131.871	11.874.260.993	10.403.613.864
	2.628.269.824	1.903.151.295	8.057.641.333	7.090.155.689
b) Nợ xấu tại Xí nghiệp Kinh doanh				
HTX Vận tải Ô tô Bình Minh	940.256.655	681.253.559	1.232.492.209	1.152.078.799
DNTN Phước Toàn	110.278.491	-	110.278.491	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Quý Châu	100.000.000	-	100.000.000	-
Các đối tượng khác	1.477.734.678	1.221.897.737	6.614.870.633	5.938.076.890
Cộng	5.945.176.217	3.861.396.358	21.300.860.162	18.553.809.187

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.172.372.385	-	6.283.168.535	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	965.473.309	-	741.688.288	-
Hàng hóa	657.842.307	-	490.598.377	-
Cộng	8.795.688.001	-	7.515.455.200	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.086.472.805	1.186.057.631
Các loại bảo hiểm máy móc, xe cộ	173.188.197	182.929.441
Tiền sử dụng đất nhận chìm, chất nạo vét di tu khu nu	-	573.750.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.913.284.608	429.378.190
b) Dài hạn	7.435.868.155	8.953.889.297
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, cầu tàu	2.968.565.754	7.333.451.495
Kinh phí thực hiện CT: Di dời 24 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng di dời	3.558.949.396	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	908.353.005	1.620.437.802
Cộng	9.522.340.960	10.139.946.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày đầu năm	555.150.953.364	23.415.587.296	341.254.192.911	5.287.653.139	925.108.386.710
- Mua trong năm	0	1,62113E+11	8760705455	245000000	1,71119E+11
Tại ngày cuối năm	555.150.953.364	185.528.657.416	350.014.898.366	5.532.653.139	1.096.227.162.285
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày đầu năm	474.482.556.551	10.348.651.886	251.612.642.799	3.495.940.140	739.939.791.376
- Khấu hao trong năm	30290528004	11295996130	19055835043	1212964647	61855323824
Tại ngày cuối năm	504.773.084.555	21.644.648.016	270.668.477.842	4.708.904.787	801.795.115.200
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	80.668.396.813	13.066.935.410	89.641.550.112	1.791.712.999	185.168.595.334
Tại ngày cuối năm	50.377.868.809	163.884.009.400	79.346.420.524	823.748.352	294.432.047.085

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2018 là 448.268.319.291 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 112.273.629.799 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠNSố 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày đầu năm	<u>5.743.062.311</u>	<u>5.743.062.311</u>
Tại ngày cuối năm	<u>5.743.062.311</u>	<u>5.743.062.311</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày đầu năm	<u>4.388.955.228</u>	<u>4.388.955.228</u>
- Khấu hao trong năm	<u>781.300.234</u>	<u>781.300.234</u>
Tại ngày cuối năm	<u>5.170.255.462</u>	<u>5.170.255.462</u>
Giá trị còn lại		-
Tại ngày đầu năm	<u>1.354.107.083</u>	<u>1.354.107.083</u>
Tại ngày cuối năm	<u>572.806.849</u>	<u>572.806.849</u>

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư vào Công ty liên kết	7.608.000.000	-		7.608.000.000	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp	7.608.000.000	-		7.608.000.000	-	
Hàng hải						
b) Đầu tư dài hạn khác	19.467.920.000	-		19.467.920.000	-	
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-		18.000.000.000	-	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	1.467.920.000	-		1.467.920.000	-	
Cộng	27.075.920.000	-	-	27.075.920.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các Công ty đầu tư của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

*Error! Not a valid link.***Xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp hàng hải (hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...). Tại ngày 31/12/2018, Công ty vẫn hoạt động bình thường và kinh doanh có lãi là 8.471.691.694 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	34.074.597.704	34.074.597.704	5.518.082.816	5.518.082.816
Ican Company Ltd	17.662.400.000	17.662.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	9.218.964.040	9.218.964.040	-	-
Công ty Cổ Phần Tân Cảng Quy Nhơn	1.980.000.000	1.980.000.000	4.290.000.000	4.290.000.000
Công ty TNHH Vận tải Biển Cửu Long	1.686.059.100	1.686.059.100	-	-
Đối tượng khác	3.527.174.564	3.527.174.564	1.228.082.816	1.228.082.816
b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	1.980.000.000	1.980.000.000	4.290.000.000	4.290.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	1.980.000.000	1.980.000.000	4.290.000.000	4.290.000.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠNSố 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	986.248.535	17.831.481.300	17.032.594.623	1.785.135.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.111.697.236	23.441.196.958	26.411.697.236	5.141.196.958
Thuế thu nhập cá nhân	70.379.538	1.846.581.101	1.855.282.514	61.678.125
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	13.239.609.554	13.239.609.554	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	9.168.325.309	56.363.868.913	58.544.183.927	6.988.010.295

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí vận chuyển	21.099.119.063	5.198.098.749
Chi phí phải trả khác	3.444.487.290	441.145.859
Cộng	24.543.606.353	5.639.244.608

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	404.099.500.000	4.525.265.662	96.953.643.394	121.962.887.964
Lãi trong năm	-	-	77.034.753.514	77.034.753.514
Chia cổ tức năm 2016	-	-	(42.915.366.900)	(42.915.366.900)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.328.547.942)	(5.328.547.942)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	48.709.728.552	(48.709.728.552)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(420.227.200)	-
Tại ngày đầu năm nay	404.099.500.000	53.234.994.214	76.614.526.314	533.949.020.528
Lãi trong năm nay	-	-	96.696.637.510	96.696.637.510
Chia cổ tức năm 2016 (i)	-	-	(64.655.920.000)	(64.655.920.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	5.344.368.857	(5.344.368.857)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(6.614.237.457)	(6.614.237.457)
Tại ngày cuối năm nay	404.099.500.000	58.579.363.071	966.966.375.10	559.375.500.581

Ghi chú: (i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2018.**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	404.099.500.000	404.099.500.000
Cộng	404.099.500.000	404.099.500.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	404.099.500.000	404.099.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	404.099.500.000	404.099.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	96.933.411.202	42.915.366.900

Cổ phiếu	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.370.206	349.172
Xóa nợ (VND)		
Công ty CP Tập đoàn Thịnh Phát Kon Tum	343.252.472	-
Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Bình Minh	324.726.655	-
Các đối tượng khác	1.092.427.558	1.054.412.058

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠNSố 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng
thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán sản phẩm	120.948.193.008	64.163.991.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5,9691E+11	4,87316E+11
	7,17859E+11	5,5148E+11
Doanh thu đối với các bên liên quan	6000000	6000000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	6.000.000	6.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	560568791	564226056
- Giảm giá hàng bán	480.461.806	335.621.576
- Hàng bán bị trả lại	80.106.985	228.604.480
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	717.298.106.207	550.916.240.912
20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	112.497.460.466	57.986.198.852
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	426.730.908.835	358.674.072.396
Cộng	539.228.369.301	416.660.271.248
21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.508.096.404	17.474.520.211
Chi phí nhân công	136.241.180.509	125.398.579.663
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.636.624.058	62.167.816.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.445.239.656	190.668.442.425
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	34.689.059.206	18.968.038.115
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	42.723.511	(439.830.485)
Cộng	490.562.923.344	414.237.566.437
22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.901.742.789	4.853.106.282
Lãi chênh lệch tỷ giá	921.977.448	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.440.000.000	10.813.400.000
Cộng	10.263.720.237	15.666.506.282
23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.242.684.300	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.504.871.537	1.000.000.000
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	721.545.097	188.803.510
Lãi trả trước hạn khoản vay dài hạn	584.483.970	-
Chi phí quản lý đầu tư	166.666.667	500.000.000
Cộng	5.220.251.571	1.688.803.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	22.956.653.759	22.525.850.446
Chi phí vật liệu quản lý	2.429.512.117	1.818.661.221
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.016.283.670	5.414.007.233
Thuế, phí và lệ phí	3.462.379.538	2.764.519.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.088.761.577	7.612.094.589
Trích/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	42.723.511	(439.830.485)
Các khoản chi phí QLDN khác	6.240.394.152	1.712.986.536
Cộng	48.236.708.324	41.408.288.908
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	11.048.720.674	10.072.561.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.322.800.490	4.158.892.798
Cộng	15.371.521.164	14.231.454.785

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	120.137.834.468	93.846.450.750
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.931.849.676)	(9.787.964.568)
Trừ: Thu nhập từ cổ tức lợi nhuận được chia	(4.440.000.000)	(10.813.400.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	1.508.150.324	1.025.435.432
Thu nhập chịu thuế	117.205.984.792	84.058.486.182
Thu nhập tính thuế	117.205.984.792	84.058.486.182
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23441196958	16811697236

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	96.696.637.510	77.034.753.514
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(6.614.237.457)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu, cổ phiếu phổ thông	96.696.637.510	70.420.516.057
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	40.409.950	40.409.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2392,891788	1742,652888

Ghi chú: (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Theo đó, Công ty chưa thực hiện loại trừ quỹ khen thưởng phúc lợi khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Tại ngày 31/12/2018 hệ số đòn bẩy tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(141.247.168.713)	(59.093.834.141)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>559.375.500.581</u>	<u>533.949.020.528</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.247.168.713	59.093.834.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	159.656.546.283	88.661.507.540
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	147.827.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	101.000.000	66.450.000
Cộng	320.472.634.996	315.116.711.681
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	34.815.794.906	6.442.485.158
Chi phí phải trả	24.543.606.353	5.639.244.608
Cộng	59.359.401.259	12.081.729.766

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phát sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)***

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.247.168.713	-	141.247.168.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	159.656.546.283	-	159.656.546.283
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	-	101.000.000	101.000.000
Cộng	300.903.714.996	19.568.920.000	320.472.634.996
Tại ngày đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	34.815.794.906	-	34.815.794.906
Chi phí phải trả	24.543.606.353	-	24.543.606.353
Cộng	59.359.401.259	-	59.359.401.259
Chênh lệch thanh khoản thuần	241.544.313.737	19.568.920.000	261.113.233.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.093.834.141	-	59.093.834.141
Phải thu khách hàng và phải thu khác	88.661.507.540	-	88.661.507.540
Đầu tư tài chính ngắn hạn	147.827.000.000	-	147.827.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	19.467.920.000	19.467.920.000
Các khoản ký quỹ	-	66.450.000	66.450.000
Cộng	295.582.341.681	19.534.370.000	315.116.711.681
Tài ngày đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.442.485.158	-	6.442.485.158
Chi phí phải trả	5.639.244.608	-	5.639.244.608
Cộng	12.081.729.766	-	12.081.729.766
Chênh lệch thanh khoản thuần	283.500.611.915	19.534.370.000	303.034.981.915

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi trả mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm 17.692.921.367 đồng, là số tiền dùng để chi mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

29. THÔNG TIN KHÁC

Theo thông báo kết luận thanh tra toàn diện về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ngày 17/09/2018 của Thanh tra Chính phủ, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì việc thực hiện việc chuyển giao 75,01% cổ phần của Công ty mẹ đã đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn về sở hữu Nhà nước.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan đến cảng biển và diễn ra trên địa bàn thành phố Quy Nhơn nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Cùng Ban lãnh đạo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ban lãnh đạo

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở Thuyết minh số 5, 14, 19 thì còn có các giao dịch như sau với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	27100000000	22590909091
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	42925500	28574000
Các khoản thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	191751244	178891359

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương Ban Tổng Giám đốc	4616394501	3662519806
Thù lao HĐQT	476417000	350000000

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.



Lê Hồng Thái
Giám đốc

TP. Quy Nhơn, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Phi Long
Người lập

TỜ TRÌNH
Về việc Phê duyệt thù lao, tiền thưởng
của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2019

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua mức thù lao và tiền thưởng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2019, như sau:

I. Về thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1. Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	
	Chuyên trách	55.000.000
	Không chuyên trách	8.250.000
2	Thành viên HĐQT	
	Chuyên trách	40.000.000
	Không chuyên trách	4.000.000
	Độc lập	4.000.000

2. Thù lao các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	
	Chuyên trách	10.000.000
	Không chuyên trách	2.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	
	Chuyên trách	5.000.000
	Không chuyên trách	1.000.000



II. Về tiền thưởng:

Tiền thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ được thưởng theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch như sau:

- Đạt 100% đến < 105% kế hoạch lợi nhuận sau thuế do Đại hội cổ đông đề ra được thưởng 1% lợi nhuận sau thuế đạt được;

- Đạt 105% trở lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế do Đại hội cổ đông đề ra được thưởng 2% lợi nhuận sau thuế đạt được.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.



Lê Hồng Thái



CÔNG TY CP CẢNG QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 220/TTr-BKS

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 8 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 22/04/2017.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019, như sau :

Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập: Phải thuộc danh sách Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố, đáp ứng được yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của công ty, Ban kiểm soát công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán VACO không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban tổng giám đốc
- Lưu TCHC, KTTV.



Lê Thị Phê

CÔNG TY CP CẢNG QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20 /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 20 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v : Niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán
Thành Phố Hồ Chí Minh - HOSE.

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2017;

- Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký Niêm yết cổ phiếu QNP tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng qui định của pháp luật.

-Thời gian thực hiện: trong năm 2019

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban tổng giám đốc;
- Lưu VT, KTTV.



Số: 221 /TTr-QNP

Quy Nhơn, ngày 29 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Tăng vốn điều lệ từ 404,09 tỷ đồng lên 538,79 tỷ đồng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn năm 2018-2022

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ nhằm đảm bảo nguồn vốn đối ứng cho các dự án triển khai trong năm 2019 và các năm tiếp theo như sau:

1/ Phương án tăng vốn điều lệ:

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : QNP
- Mệnh giá : 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 13.469.983 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 134.699.833.000 đồng
- Giá chào bán : 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Phương thức và đối tượng chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền : 3:1 (nghĩa là mỗi cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu được phân bổ 1 quyền mua)
- Thời điểm chào bán dự kiến : Sau khi phương án đầu tư được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết: + Số lượng cổ phiếu phân phối cho từng cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
+ Số cổ phiếu không được cổ đông thực hiện quyền mua hết (nếu có) sẽ không thực hiện việc chào bán tiếp cho các đối tượng khác
- Số tiền dự kiến thu được : 134.699.833.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn : -Đầu tư thực hiện dự án mở rộng cảng mà



công ty làm chủ đầu tư.

- Đăng ký niêm yết và lưu ký bổ sung số cổ phiếu chào bán: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thêm sẽ được lưu ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung tại sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong thời hạn 1 năm kể từ ngày kết thúc việc chào bán.

2/ Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Căn cứ nội dung đã trình bày trên đây, Hội đồng quản trị công ty kính đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các vấn đề sau:

- Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo cân đối số tiền thu được từ đợt chào bán để sử dụng theo các mục đích sử dụng vốn đã nêu, đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển chung của công ty.

- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trình bày ở trên

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty theo vốn điều lệ mới sau khi kết thúc đợt chào bán.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào nhu cầu vốn của Công ty và các điều kiện cụ thể khác, lựa chọn, quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu tăng vốn, tiến độ sử dụng vốn và thực hiện tăng vốn theo qui định của pháp luật.

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành cổ phiếu

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành theo các qui định hiện hành và thực hiện các công việc khác liên quan đến đợt chào bán.

Trên đây là tờ trình tăng vốn điều lệ Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT, KTTV, TCHC.



Lê Hồng Thái

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **30** /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày **29** tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc Phê chuẩn Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn;
Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực lãnh đạo, điều hành Công ty,
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc Chủ
tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng
Quy Nhơn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Trân trọng kính trình.

Nơi nhận: *non*

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.



Lê Hồng Thái



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: QNP.000001

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **200** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: 200 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị.	☐	☐	☐
Nội dung 2: Báo cáo của Ban Kiểm soát.	☐	☐	☐
Nội dung 3: Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.	☐	☐	☐
Nội dung 4: Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018.	☐	☐	☐
Nội dung 5: Tờ trình phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019.	☐	☐	☐
Nội dung 6: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019.	☐	☐	☐
Nội dung 7: Tờ trình Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE.	☐	☐	☐
Nội dung 8: Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ từ 404,09 tỷ đồng lên 538,79 tỷ đồng.	☐	☐	☐
Nội dung 9: Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.	☐	☐	☐

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **QNP.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **200** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 200 cổ phần

Số:

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2019



BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 4100258793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 23/10/2015.

Thời gian: 7 giờ 00 thứ Tư ngày 10 tháng 04 năm 2019

Địa điểm:

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Ông/Bà – Chức vụ:
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2019, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.
 - Cổ đông tham dự Đại hội: cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Lê Hồng Thái

Chủ tịch HĐQT

Ông

Thành viên HĐQT

Ông

Thành viên HĐQT

Ông

Thành viên HĐQT

Ông

Thành viên HĐQT

2. Thư ký:

Ông:

Thư ký

Ông (Bà):

Thư ký

3. Ban Kiểm Phiếu:

Ông:

Trưởng ban

Ông (Bà):

Thành viên

Ông(Bà) :

Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

III. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông- chức vụ: ...

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị - Người trình bày: ...;
- Báo cáo của Ban kiểm soát - Người trình bày: ...;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019- Người trình bày: ...;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 - Người trình bày: ...;
- Tờ trình phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 - Người trình bày: ...;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019- Người trình bày: ...;
- Tờ trình Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE - Người trình bày: ...;
- Tờ trình về việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty - Người trình bày: ...;

PHẦN III: Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông nêu các câu hỏi sau:

1.
2.
3.

Ông- Chức vụ:giải đáp như sau:

1.
2.
3.

PHẦN IV: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2: Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	So sánh KH 2019 với TH năm 2018
1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.316.499	8.870.000	107%
	Trong đó: hàng container	Teus	127.316	145.000	114%
-	Hàng xuất khẩu	Tấn	5.402.775	5.654.826	105%
-	Hàng nhập khẩu	Tấn	1.078.434	1.169.088	108%
-	Hàng nội địa	Tấn	1.835.291	2.046.086	111%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	728.587	767.600	105%
	Trong đó:				
	Doanh thu khai thác cảng	Triệu đồng	448.144	472.585	105%
	Doanh thu dịch vụ cảng	Triệu đồng	269.154	290.617	108%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	120.137	125.000	104%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	96.696	100.000	103%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.393	2.500	104%

Kế hoạch đầu tư năm 2019

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	TMĐT	KẾ HOẠCH	THIẾT BỊ	HẠ TẦNG
	KẾ HOẠCH NĂM 2019				
	Dỡ dăng 2018 chuyển sang		12.000		12.000
1	Đầu tư kho chứa thức ăn gia súc chuyên dụng.	30.000	10.000		10.000
2	Đầu tư hệ thống kiểm soát ra vào cổng và in hóa đơn điện tử	2.000	2.000		2.000
	Đầu tư thêm trong năm		170.000	40.000	130.000
1	Đầu tư xây dựng Tòa nhà dịch vụ và văn phòng điều hành Công ty (tại vị trí giải phóng mặt bằng 24 hộ dân)	100.000	60.000		60.000
2	Đầu tư bãi hàng bãi công nghệ giai đoạn 1 (6,8 ha)	120.000	60.000		60.000
3	Đầu tư xây dựng trung tâm điều hành khai thác	20.000	5.000		5.000
4	Đầu tư hệ thống điện phục vụ bộ cần cầu RTG	15.000	15.000	15.000	
5	Đầu tư, cải tạo nâng cấp khu vực	5.000	5.000		5.000

	tâm linh giáp bãi dầm gỗ Đức Hải				
6	Đầu tư phương tiện thiết bị xếp dỡ và duy tu cơ sở hạ tầng; nghiên cứu lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch mở rộng Cảng Quy Nhơn; Duy tu, bảo trì công trình hàng hải.v.v...	25.000	25.000	25.000	
	Cộng năm 2019		182.000	40.000	142.000

Phân biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018

Phân phối lợi nhuận năm 2018

Đơn vị tính : đồng

Trích Yếu	Tỷ lệ trích	Số tiền	Ghi chú
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước			
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		96.696.637.510	
Lợi nhuận được phân phối		96.696.637.510	
a) Quỹ đầu tư phát triển (2% -10%)	7,50%	7.271.342.758	
b) Quỹ phúc lợi tập thể (2%-10%)	3,00%	2.900.899.125	
c) Quỹ khen thưởng CBNV(6%-10%)	5,00%	4.834.831.876	
c) Quỹ khen thưởng Ban điều hành (Trích 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch)	10,00%	869.663.751	(Kế hoạch 88 tỷ đồng)
g) Tiền lợi nhuận chia cổ tức		80.819.900.000	
Tỷ lệ cổ tức được chia dự kiến		20,00%	

Chia Cổ tức 2018

- Chia cổ tức năm 2018: tỷ lệ chi trả cổ tức là 20% tức là 2.000 đồng/cổ phiếu
- Thời gian chốt danh sách và chia cổ tức: Chốt danh sách hưởng quyền chia cổ tức này 03/05/2019, ngày thực hiện chi trả cổ tức là ngày 15/05/2019.
- Hình thức chi trả: Tiền mặt
- Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2019

- Kế hoạch chia cổ tức năm 2019: tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức là 20% tức là 2.000 đồng/cổ phiếu
- Hình thức chi trả: Tiền mặt

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện tạm ứng, chi trả theo đúng quy định của pháp luật.

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5: Thông qua phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019

Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	
	Chuyên trách	55.000.000
	Không chuyên trách	8.250.000
2	Thành viên HĐQT	
	Chuyên trách	40.000.000
	Không chuyên trách	4.000.000
	Độc lập	4.000.000

Thù lao các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	
	Chuyên trách	10.000.000
	Không chuyên trách	2.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	
	Chuyên trách	5.000.000
	Không chuyên trách	1.000.000

Về tiền thưởng:

Tiền thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc sẽ được thưởng theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch như sau:

- Đạt 100% đến < 105% kế hoạch lợi nhuận sau thuế do Đại hội cổ đông đề ra được thưởng 1% lợi nhuận sau thuế đạt được;
- Đạt 105% trở lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế do Đại hội cổ đông đề ra được thưởng 2% lợi nhuận sau thuế đạt được.

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của công ty, Ban kiểm soát công ty kính trình

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán VACO không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7: Thông qua Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký Niêm yết cổ phiếu QNP tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng qui định của pháp luật

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8: Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ từ 404,09 tỷ đồng lên 538,79 tỷ đồng.

Điều 9: Thông qua việc phê chuẩn Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với % số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Đại hội kết thúc giờ cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH ĐOÀN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/NQ-ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO



**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Căn cứ Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 10/04/2019,

QUYẾT NGHỊ

Ngày 10/04/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn được tổ chức với sự tham gia của [.....] cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho [.....] cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm [.....] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2: Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.



- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5: Thông qua phê duyệt thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7: Thông qua Niêm yết cổ phiếu QNP lên sàn HOSE

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Ủy quyền Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện các thủ tục đăng ký Niêm yết cổ phiếu QNP tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) theo đúng qui định của pháp luật

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8: Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ từ 404,09 tỷ đồng lên 538,79 tỷ đồng.

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty

Phản biểu quyết:

- Tán thành :.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến:.....cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.



Nơi nhận:

- Cổ đông QNP;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ HỒNG THÁI